

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2025

về việc: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Ông Nguyễn Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Giang - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Mao Xuân Q**, sinh năm 1983 (Có mặt).

- Bị đơn: Chị **Mai Thu H**; Sinh năm: 1982 (Có mặt).

Cùng HKTT: Số 36 ngõ 16 phố N, phường Ô , quận Đ, TP Hà Nội.

Cùng Tạm trú: SH 22-112 Vinhomes Ocean Park 2, xã N, huyện V, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Mai Thu H:

- Ông Châu Thành N (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Việt C (Có mặt)

Luật sư công ty Luật TNHH V – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tòa nhà X, số 2 Nguyễn Thị Duệ, phường Y quận C, thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu **Mao Tuấn D**, sinh ngày 20/9/2009 (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Dũng: Chị Mai Thu H và anh Mao Xuân Q là bố, mẹ đẻ cháu.

- **Người làm chứng:** Cháu Mao Gia H, sinh ngày: 31/10/2006 (Vắng mặt)

Địa chỉ: SH 22-112 Vinhomes Ocean Park 2, xã N, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Mao Xuân Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị H ngày 17/01/2006 tại UBND phường G, quận L, thành phố H, trên tinh thần cả hai bên cùng tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Sau ngày cưới, anh và chị Hở chung với bố mẹ đẻ anh tại số 36 ngõ 16 phố N, phường Ô , quận Đ, thành phố H. Từ tháng 01/2024 đến nay vợ chồng anh chuyển đến căn hộ SH 22-112 Vinhomes Ocean Park 2, xã N, huyện V, tỉnh H sinh sống. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng xảy ra cãi nhau do có nhiều quan điểm khác nhau không có tiếng nói chung. Đặc biệt vợ chồng anh nhiều lần xảy ra mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con.

Ngoài ra, chị H luôn nghi ngờ anh có người phụ nữ khác ở bên ngoài, quản lý mọi việc của anh. Hai vợ chồng đã cùng nhau giải quyết những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nhưng không thể giải quyết được. Duy trì cuộc hôn nhân đến bây giờ là sự cố gắng của cả hai phía để không bị ảnh hưởng đến các con. Nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều và trở nên trầm trọng hơn tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, ngày càng mệt mỏi và ngột ngạt.

Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn, từ tháng 3/2024 vợ chồng anh sống ly thân, vẫn sống chung trong một nhà nhưng mỗi người ở một phòng khác nhau, không nói chuyện và không còn quan tâm đến nhau.

Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống của cả hai bên.

Về con chung: Anh với chị H có 02 con chung là cháu Mao Gia H, sinh ngày 31/10/2006 và cháu Mao Tuấn D, sinh ngày 20/9/2009. Nếu ly hôn, cháu H đã trưởng thành anh không yêu cầu Toà án giải quyết, cháu D muốn được ở với mẹ nên anh đồng ý giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D theo yêu cầu của chị H 10.000.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi phương thức cấp dưỡng hàng tháng, anh không có điều kiện để thực hiện cấp dưỡng một lần theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Mai Thu H trình bày:* Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng chị như anh Q trình bày. Quá trình chúng sống từ khi kết hôn đến hiện tại vợ chồng chị vẫn đang chung sống hạnh phúc, rất ít khi nảy sinh mâu thuẫn với nhau nếu có thì chỉ là những việc vụn vặt trong gia đình. Đến tháng 09/2024 anh Q có đề cập việc ly hôn với chị nhưng chị không hiểu lý do anh Q muốn ly hôn. Do không nói chuyện được với nhau nên anh Q không về nhà 03 hôm, sau đó anh Q vẫn về và quan tâm các con, vợ chồng lại bình thường.

Chị và anh Q không còn ngủ chung với nhau đến nay khoảng 02 tháng, do anh Q cảm thấy hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau và anh Q hay dùng điện thoại vào buổi tối nên anh Q muốn ra phòng khác ngủ cho tiện. Vợ chồng chị vẫn nói chuyện bình thường, anh Q vẫn quan tâm chị và các con. Nhưng anh, chị nói chuyện với nhau ít hơn.

Từ đầu năm 2024 các con cảm nhận được sự việc của bố mẹ. Do đó cháu H và cháu D bắt đầu có sự bất ổn về tâm lý. Cháu H có biểu hiện nổi loạn, dễ cáu giận dẫn đến cháu có xích mích với bạn và bị bạn đánh phải đi cấp cứu trong bệnh viện bác sĩ chuẩn đoán cháu bị đa vết thương phần mềm cẳng tay hai bên, đứt nhánh vận động thần kinh quay phải. Cũng chính vì lý do bất ổn tâm lý mà việc học của cháu bị ảnh hưởng rất nhiều kết quả học tập giảm sút nhiều.

Chị không nhất trí ly hôn với anh Q. Vì chị mong muốn vợ chồng cùng chung sống để nuôi dạy các con cho chu toàn.

Về con chung: Chị với anh Q có 02 con chung là các cháu Mao Gia H, sinh ngày 31/10/2006 và cháu Mao Tuấn D sinh ngày 20/9/2009.

Nếu trong trường hợp anh Q kiên quyết xin ly hôn chị đề nghị Tòa án tạm hoãn việc giải quyết ly hôn cho đến khi cháu D học xong lớp 12 để tránh ảnh hưởng tâm lý của cháu.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Mao Tuấn D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cháu Mao Gia H đã thành niên có khả năng tự lập chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Và cấp dưỡng một lần 300.000.000 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ chung: Ban đầu chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án ra Quyết định xét xử, ngày 23/4/2025 chị nộp đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng gồm căn hộ SH 22-112 Vinhomes Ocean Park 2, xã N, huyện V tỉnh H, tiền nợ ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Mao Tuấn D trình bày:* Bố mẹ cháu ly hôn, cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu được ở cùng mẹ.

** Người làm chứng cháu Mao Gia H là con chung của anh Q, chị H trình bày:*

Từ khi cháu nhận thức được cháu thấy bố mẹ yêu thương nhau, không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 2019 cháu thấy bố mẹ thỉnh thoảng cãi nhau, nguyên nhân là do mẹ cháu nghi ngờ bố cháu có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Đến năm 2020 cháu biết bố có người phụ nữ khác, khi đó bố cháu đã nói chuyện với cháu về vấn đề này, tuy nhiên bố vẫn làm tròn nhiệm vụ của người bố vẫn yêu thương và chăm lo cho mẹ và anh em cháu tận tình nên cháu không nói với mẹ. Đến năm 2021, thì mẹ cháu biết việc bố có người phụ nữ khác bên ngoài nên bố mẹ cháu cãi nhau rất nhiều. Mâu thuẫn giữa bố cháu và mẹ cháu nguyên nhân là từ hai phía, bố cháu có người phụ nữ khác ở bên ngoài còn mẹ cháu là người phụ nữ kiểm soát chồng quá nhiều, hay mượn điện thoại của bố để kiểm tra bố không cho thì bố mẹ cãi nhau. Ngoài ra, mẹ hay nói nhiều, nói đi nói lại một vấn đề nhiều lần, cách nói của mẹ lại dễ mất lòng người nghe nên bố cháu chịu nhiều áp lực từ phía mẹ. Cháu hiểu cảm giác áp lực của bố và thông cảm cho bố. Bố mẹ cháu cãi nhau thường xuyên và căng thẳng, và bố mẹ không ngủ cùng nhau ngủ hai phòng khác nhau từ khoảng tháng 06/2024. Thường ngày bố cháu về sớm thì vẫn nấu cơm cho cả nhà. Việc mâu thuẫn của bố mẹ cháu, ông bà và bản thân cháu cũng đã hoà giải cho bố mẹ nhiều lần nhưng mâu thuẫn của bố mẹ vẫn không giải quyết được. Cháu không liên quan gì tới tài sản chung, công nợ của bố mẹ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Anh Q giữ nguyên quan điểm, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị H đề nghị HĐXX giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Anh đồng ý giao cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và cấp dưỡng nuôi cháu D hàng quý mỗi tháng 10.000.000đ/tháng, một quý 30.000.000 đồng cho đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi). Các vấn đề khác, anh không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn: Chị H không đồng ý ly hôn với anh Q, vì chị và anh Q không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị vẫn còn tình cảm với anh và 2 cháu đang ở tuổi trưởng thành cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu D 10.000.000 đồng/ tháng và cấp dưỡng hàng quý 30.000.000 đồng/quý. Chị đề nghị HĐXX chia tài sản chung cho vợ chồng chị theo đơn đề nghị chị đã nộp ngày 23/4/2025.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho chị H ông Nguyễn Việt C đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn vì chưa đủ căn cứ cho thấy đời sống hôn nhân rơi vào tình trạng “trầm trọng, không thể kéo dài”, nguyên đơn có hành vi vi phạm pháp luật ngoại tình khi vẫn đang chung sống với vợ, lý do nguyên đơn xin ly hôn để theo người phụ nữ khác; hai con chung của chị H và anh Q đang trong độ tuổi

trưởng thành, cần sự chăm sóc giáo dục của cả cha lẫn mẹ. Nếu ly hôn đề nghị HĐXX giao cháu D cho chị H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi; Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con hàng quý mức cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng 30.000.000 đồng/ quý; Chia tài sản chung cho chị H, anh Q gồm: Căn hộ SH22-112 thuộc khu dự án Khu đô thị sinh thái Dream City xã N, huyện V, tỉnh H và khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số SH22-112/2022-HĐCV/NHCT140-QUAN ngày 31/5/2022. Ngoài ra đề nghị HĐXX xem xét hành vi ngoại tình của anh Q nếu thỏa mãn quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, Điều 182 Bộ luật hình sự thì xử lý theo quy định của pháp luật.

* Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Tòa án nhân dân huyện Văn Giang không gửi Quyết định tạm đình chỉ và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án cho Viện kiểm sát, vi phạm Điều 214, Điều 216 BLTTDS sẽ tổng hợp kiến nghị bằng văn bản.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, cho anh Q ly hôn chị H.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị H giao cháu D là con chung cho chị H nuôi dưỡng đến thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: căn cứ khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị H. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu D hàng tháng là 10.000.000đ/1 tháng đến khi cháu D thành niên, phương thức cấp dưỡng theo quý (tức là 3 tháng)/ 1 lần = 30.000.000đ/ quý.

Về sản chung, công nợ, đất ruộng nông nghiệp, công sức: Anh Q không yêu cầu giải quyết. Chị H đưa ra yêu cầu chia tài sản chung sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị Quyết số 326 của UBTVQH, anh Q phải chịu 300.000đ án phí LHST và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngày 04/10/2024 anh Q gửi trực tiếp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, Tòa án đã thực hiện thủ tục hòa giải viên nhưng anh Q từ chối, ngày 09/10/2024 Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện của anh Q, như vậy việc thụ lý của Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Mai Thu H thời điểm Tòa án nhân dân huyện Văn Giang thụ lý vụ án đang sinh sống tại xã N, huyện V, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với bị đơn chị H, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng cháu H vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng không gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị H đã tự khai và Tòa án lấy lời khai của chị H, chị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Tại phiên tòa ngày 02/4/2025, HĐXX hoãn phiên tòa do chị H vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa. Sau khi HĐXX hoãn phiên tòa, ngày 23/4/2025 chị H nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Chị H đưa ra yêu cầu chia tài sản chung sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, sau khi Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa xét xử vụ án là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự, HĐXX không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị H tại phiên tòa. Chị H có quyền khởi kiện yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết sau khi nhận được bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mao Xuân Q và chị Mai Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được UBND phường G, quận L, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2006, ngày 17/01/2006, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ những nội dung phù hợp trong lời trình bày của anh Q, chị H và người làm chứng cháu H là con chung của anh Q và chị H HĐXX xác định: Quá trình chung sống anh Q và chị H hạnh phúc khoảng hơn 10 năm. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp được và chị H nghi ngờ anh Q ngoại tình, kiểm soát anh Q. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, năm 2019 anh Q đã ngoại tình. Khi ngoại tình anh Q vẫn chung sống với chị H, vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người chồng,

người cha đối với vợ, con. Năm 2020 cháu H biết, năm 2021 chị H biết anh Q quan hệ ngoại tình, nhưng anh Q và chị H thống nhất không ly hôn tiếp tục chung sống để cùng nhau chăm sóc các con, và anh chị cùng chung sống để làm tốt nghĩa vụ trách nhiệm chăm sóc giáo dục con chung. Vì vậy, các con chung của anh Q và chị H vẫn sinh hoạt học tập bình thường. Hành vi cháu H bị bạn đánh năm 2024 không phải là do ảnh hưởng tiêu cực từ gia đình vì xảy ra sau khi cháu biết bố ngoại tình nhiều năm và cháu H cũng xác định không liên quan đến mâu thuẫn giữa bố và mẹ. Nhưng cuộc sống vợ chồng giữa anh Q và chị H không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do bất đồng quan điểm không hòa hợp được, anh Q vẫn ngoại tình và chị H do ghen tuông có nhiều hành vi làm ảnh hưởng đến uy tín của anh Q đối với công ty, người thân, bạn bè, đồng nghiệp. Chính vì vậy sau nhiều năm anh Q, chị H, các con và gia đình hai bên cùng tham gia giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn kéo dài đến nay trở nên thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng trên thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục quan hệ hôn nhân mâu thuẫn sẽ trầm trọng hơn, ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của các thành viên trong gia đình. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q xử cho anh Q được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh Q và chị H có 02 con chung là cháu Mao Gia H, sinh ngày 31/10/2006 và cháu Mao Tuấn D, sinh ngày 20/9/2009. Cháu H đã thành niên, có khả năng tự lập. Ly hôn anh Q, chị H tự nguyện thỏa thuận giao cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) anh Q cấp dưỡng nuôi cháu D 10.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và phương thức thực hiện cấp dưỡng hàng quý, sự thỏa thuận của anh Q, chị H phù hợp pháp luật nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức: Anh Q không yêu cầu giải quyết, chị H đưa ra yêu cầu chia tài sản chung sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải nên HĐXX không giải quyết.

Hành vi ngoại tình của anh Q không thỏa mãn dấu hiệu đang có vợ mà chung sống như vợ chồng với người khác quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 59 Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ và Điều 182 Bộ luật hình sự nên không đủ căn cứ để xử lý theo những quy định này.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Quân phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; Điều 24; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mao Xuân Q cho anh Q được ly hôn chị Mai Thu H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Q, chị H, giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mao Tuấn D, sinh ngày 20/9/2009 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị H anh Q cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 10.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng quý 30.000.000/quý. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, công sức: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Mao Xuân Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Q đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002982 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, anh Q còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Thu Giang